

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 43/2019/HSST

Ngày: 30 - 8 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hợi.

2. Ông Chu Quang Liêm.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 43/2019/TLST - HS ngày 02 ngày 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 44/2019/QĐXXST - HS ngày 19 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn K, sinh năm 1955; nơi sinh: huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị V; vợ Phạm Thị B, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Phạm Văn T, sinh năm 1966; nơi sinh: huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Bùi Thị V; vợ Hoàng Thị L, có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị tạm giữ từ ngày 29/5/2019 đến ngày 01/6/2019 (03 ngày), được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Bùi Văn D, sinh năm 1982; nơi sinh: huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị B; vợ Trần Thị T, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị tạm giữ từ ngày 29/5/2019 đến ngày 01/6/2019 (03 ngày), được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966; nơi sinh: huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị H; vợ Nguyễn Thị L, có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị tạm giữ từ ngày 29/5/2019 đến ngày 01/6/2019 (03 ngày), được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. **Trần Văn D**, sinh năm 1978; nơi sinh: huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Phùng Thị Đ; vợ Nguyễn Thị L, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị tạm giữ từ ngày 29/5/2019 đến ngày 01/6/2019 (03 ngày), được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. **Phạm Văn M**, sinh năm 1979; nơi sinh: huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Lê Thị N; vợ Nguyễn Thị N, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị tạm giữ từ ngày 29/5/2019 đến ngày 01/6/2019 (03 ngày), được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. **Phạm Đức V** (tên gọi khác *Phạm Văn V*), sinh năm 1971; nơi sinh: huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Phạm Thị T; vợ Đỗ Thị N, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị tạm giữ từ ngày 29/5/2019 đến ngày 01/6/2019 (03 ngày), được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1979; nơi sinh: huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị L; vợ Lê Thị N, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị tạm giữ từ ngày 29/5/2019 đến ngày 01/6/2019 (03 ngày), được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. **Phạm Văn C** (tên gọi khác *Phạm Văn Đ*), sinh năm 1983; nơi sinh: huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Trần Thị M; vợ Nguyễn Thị Kh, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị tạm giữ từ ngày 29/5/2019 đến ngày 01/6/2019 (03 ngày), được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn K: Bà Nguyễn Thị L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người làm chứng: Anh Phạm Trung B, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 29/5/2019, tổ công tác thuộc đội cảnh sát hình sự Công an huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương bắt quả tang các bị cáo Bùi Văn D, Nguyễn Văn T, Phạm Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn M, Phạm Văn Ch, Phạm Văn V, Nguyễn Mạnh H đang có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức liêng tại quán bán hàng của Phạm Văn K ở thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương thu giữ số tiền 8.870.000 đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài.

Quá trình điều tra xác định như sau: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/5/2019, D, T, T, D, M đến quán của K chơi, thấy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân để sẵn trên giường, nên cả 5 người cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức đánh liêng, K thấy mọi người đánh bạc tại quán nhà mình nhưng không nói gì và đi ra để cho mọi người tiếp tục đánh bạc. Trong khi đang chơi thì có V, H, C đến tham gia đánh bạc, K cầm bài đánh hộ V 03 ván bài. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 8.870.000 đồng (*tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn*) đồng, trong đó các bị cáo khai nhận có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc như sau: D có 1.400.000 đồng, T có 850.000 đồng cho T vay 400.000 đồng, còn 450.000 đồng, T có 1.100.000 đồng (*trong đó vay của T 400.000 đồng*), V có 1.000.000 đồng, D có 800.000 đồng, M có 400.000 đồng, H có 190.000 đồng, C (Đ) có 2.700.000 đồng. Tổng là 8.040.000 đồng, còn lại số tiền là 830.000 đồng không xác định cụ thể là ai, song các bị cáo đều xác định đó là số tiền được các bị cáo dùng đánh bạc.

Về hình thức chơi như sau: Các bị cáo dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chia cho mỗi người 3 quân bài, người nào thắng ván trước sẽ là người chia bài ván tiếp theo. Trước mỗi ván, mỗi người chơi đặt 10.000 đồng (*gọi là trống cửa*), người chia được quyền "Tổ" sau đó thứ tự lần lượt từng người (ngược kim đồng hồ) có quyền "Cân" (*tức là chấp nhận số tiền người tổ trước đưa ra*) hoặc "tổ" thêm (*tức là đặt tiền cao hơn người tổ trước*) cho đến khi không còn ai "Tổ" nữa thì những người "cân" mở bài để tính thắng thua, mức tiền tổ không quá 30.000 đồng.

Hình thức so bài như sau: To nhất là sấp, sấp là ba quân bài có cùng số hoặc cùng ký hiệu (*ví dụ: ba quân 2 hoặc ba quân K; ...*), trong hàng sấp thì tính theo trật tự từ sấp 2 đến 10, J, Q ..A; sấp ba con A (át) là to nhất và sấp ba quân 2 là bé nhất; nếu không có sấp thì so liêng, liêng là ba quân bài liên tiếp nhau (*ví dụ: 3,4,5 hoặc J, Q, K.*), trong liêng thì Q, K, A là to nhất; nếu có liêng giống nhau, thì so chất, ai có chất to hơn thì thắng (*chất được quy định từ to đến bé là: rô, cơ, bích, tép*); nếu bài

không có sấp, liêng, thì so tới ảnh, ảnh là ba quân bài có hình người, gồm các quân J, Q, K (ví dụ: ảnh gồm hai con K, một con Q; hoặc hai con J, một con K), ảnh to nhất là hai con K, một con Q và cũng so theo chất từ to đến bé (rô, cơ, bích, tép); cuối cùng, nếu bài không có sấp, liêng, ảnh thì so điểm, bài có điểm cao nhất thì thắng, cách tính điểm là cộng ba quân bài lại với nhau, 9 điểm là to nhất, 0 điểm là bé nhất; các con bài từ 10 đến K được tính là không điểm, A(át) được tính là 1 điểm, nếu cộng ba con bài lại được 10 đơn vị là 0 điểm, được 11 đơn vị tính là 1 điểm, nếu có cùng số điểm thì so chất của các con bài từ rô, cơ, bích, tép và A (át) rô là to nhất.

Tại bản Cáo trạng số: 41/CT-VKSTK ngày 31/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đã truy tố các bị cáo Bùi Văn D, Phạm Văn K, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn M, Phạm Đức V (Phạm Văn V), Nguyễn Mạnh H, Phạm Văn C (Phạm Văn Đ) về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Văn D, Phạm Văn K, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn M, Phạm Đức V (Phạm Văn V), Nguyễn Mạnh H, Phạm Văn C (Phạm Văn Đ) phạm tội "Đánh bạc".

Về hình phạt chính:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của BLHS. Xử phạt Phạm Văn K từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của BLHS. Xử phạt Phạm Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của BLHS. Xử phạt Bùi Văn D từ 08 tháng đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 22 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Văn K, Phạm Văn T, Bùi Văn D cho UBND xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm s, i khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, Điều 36 của BLHS. Xử phạt Nguyễn Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 3 ngày tạm giữ quy đổi thành 9 ngày cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, Điều 36 của BLHS. Xử phạt Phạm Văn C (Phạm Văn Đ) từ 15 tháng đến 18 tháng

cải tạo không giam giữ, được trừ 3 ngày tạm giữ quy đổi thành 9 ngày cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58, Điều 36 của BLHS. Xử phạt Trần Văn D từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 3 ngày tạm giữ quy đổi thành 9 ngày cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58, Điều 36 của BLHS. Xử phạt Phạm Đức V (Phạm Văn V) từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 3 ngày tạm giữ quy đổi thành 9 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn C (Phạm Văn Đ), Trần Văn D, Phạm Đức V (Phạm Văn V) cho UBND xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục. Khấu trừ từ 05 - 10% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn C (Phạm Văn Đ), Trần Văn D, Phạm Đức V (Phạm Văn V).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58, Điều 35 của BLHS. Xử phạt Phạm Văn M từ 25 triệu đến 30 triệu đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 17, 58, Điều 35 của BLHS. Xử phạt Nguyễn Văn H từ 20 triệu đến 25 triệu đồng.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của BLHS. Phạt bổ sung các bị cáo T, D, T, V, D, C mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS; tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 8.870.000 (*tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, Luật số 97 về phí và lệ phí, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Văn T, Bùi Văn D, Nguyễn Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn C, Phạm Văn M, Phạm Văn V (*Phạm Đức V*), Nguyễn Mạnh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Phạm Văn K.

Các bị cáo đã thành khẩn khai về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ đối với các bị cáo là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử phạt ở mức thấp.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn K nhất trí quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điều 17, 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của BLHS. Xử phạt Phạm Văn K 08 - 10 tháng tù cho hưởng án treo, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền, miễn nộp án phí.

Anh Phạm Trung B là người làm chứng vắng mặt, có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/5/2019 có D, T, T, D, M, V, H, C đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức đánh liêng, K thấy mọi người đánh bạc tại quán nhà mình nhưng không nói gì và đi ra để cho mọi người tiếp tục đánh bạc. Khoảng 14 giờ 10 phút thì bị Công an huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền là 8.870.000 đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và nhiều tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 29/5/2019, các bị cáo Bùi Văn D, Nguyễn Văn T, Phạm Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn M, Phạm Văn C, Phạm Văn V, Nguyễn Mạnh H đang có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, dưới hình thức đánh liêng tại quán bán hàng tạp hóa của gia đình Phạm Văn K ở thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. K thấy mọi người đánh bạc tại quán nhà mình nhưng không nói gì để các bị cáo đánh bạc, K cầm bài đánh hộ V 03 ván bài. Khoảng 14 giờ 10 phút thì bị tổ công tác thuộc đội Cảnh sát hình sự, Công an huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương phát hiện bắt quả tang, thu giữ cùng vật chứng. Số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 8.870.000 (*tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn*) đồng.

[2] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì muốn có tiền sử dụng cá nhân, nên các bị cáo đã cố ý thực hiện việc đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh liêng, sát phạt nhau được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 8.870.000 (*tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn*) đồng, nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo K có hành vi cho các bị cáo đánh bạc tại quán bán hàng tạp hóa của mình và cầm đánh bài hộ V, nên bị cáo K phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc với vai trò đồng phạm. Như vậy, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[4] Về vị trí, vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo có sự thống nhất thực hiện hành vi đánh bạc và đều là người thực hành, nhưng các bị cáo không có sự phân công, câu kết chặt chẽ với nhau nên đây chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn.

Trong vụ án này, bị cáo K là người cho các bị cáo đánh bạc tại quán bán hàng của mình và là người trực tiếp cầm đánh bài hộ V 3 ván, bị cáo T cho bị cáo T vay 400.000 đồng để đánh bạc, tham gia đánh bạc từ đầu với số tiền đánh 450.000 đồng, bị cáo D có số tiền đánh bạc 1.400.000 đồng tham gia đánh bạc từ đầu nên có vị trí thứ nhất trong vụ án. Bị cáo T có số tiền đánh bạc 700.000 đồng và vay của T 400.000 đồng để đánh bạc, bị cáo D có số tiền đánh bạc 800.000 đồng, bị cáo C có số tiền đánh bạc 2.700.000 đồng; bị cáo V có số tiền đánh bạc 1.000.000 đồng, thời gian tham gia đánh bạc của bị cáo C, V ít nên đều có vị trí thứ hai trong vụ án. Bị cáo M có số tiền đánh bạc 400.000 đồng ít hơn so với các bị cáo trên, bị cáo H số tiền đánh bạc 190.000 đồng nên có vị trí thứ ba trong vụ án.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo D, T, T, D, M, V, H có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo K đã bị TAND tỉnh Hải Dương 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội “Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa” năm 2003; bị cáo C bị Công an huyện Tứ Kỳ xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc vào năm 2015. Các bị cáo đã đương nhiên được xóa án tích và tiền sự từ lâu.

Cả 9 bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo.

Các bị cáo D, T, T, D, M, V, H, C lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với các bị cáo trên.

Ngoài ra bị cáo K là thương binh hạng 2, được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì và có bố để được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Các bị cáo T, D, V có bố để được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, nên bị cáo K được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS, các bị cáo T, D, V được hưởng tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[7] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Đối với các bị cáo K, T, D có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS, không có tình tiết tăng nặng và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng.

Do vậy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo được tiếp tục lao động cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội. Như vậy là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS.

Đối với các bị cáo T, D, C, V phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng, các bị cáo có nơi thường trú rõ ràng ổn định, cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Các bị cáo bị tạm giữ nên thời gian tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ (1 ngày tạm giữ = 3 ngày cải tạo không giam giữ) và khấu trừ một phần thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt để sung quỹ nhà nước, như vậy là phù hợp với Điều 36 và khoản 1 Điều 321 của BLHS.

Các bị cáo M, H cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo, tuy nhiên khi áp dụng mức phạt bị cáo M số tiền sử dụng đánh bạc nhiều hơn so với bị cáo H nên cần phạt tiền đối với bị cáo M cao hơn bị cáo H. Như vậy là phù hợp với Điều 35, khoản 1 Điều 321 của BLHS.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền, do vậy để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; bị cáo K là thương binh và các bị cáo đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền thì không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Như vậy là phù hợp với khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 321 của BLHS.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài là công cụ phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 8.870.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc trái phép nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[10] Ngôi nhà của bà Phạm Thị V, sinh năm 1934, địa chỉ: thôn A, xã Q, huyện T, bà V cho vợ chồng K bán hàng tạp hóa trông nom, quản lý các bị cáo dùng làm địa điểm để đánh bạc, bà V không biết nên không đặt ra xử lý là phù hợp.

[11] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo K là người cao tuổi do vậy miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo K.

[12] Quá trình điều tra, truy tố xét xử vụ án này, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn K, Phạm Văn T, Bùi Văn D, Nguyễn Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn C (*Phạm Văn Đ*), Phạm Văn M, Phạm Văn V (*Phạm Đức V*), Nguyễn Mạnh H phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt.

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điều 17, 58, các điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của BLHS. Xử phạt Phạm Văn K 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điều 17, 58, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của BLHS. Xử phạt Phạm Văn T 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điều 17, 58, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của BLHS. Xử phạt Bùi Văn D 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Văn K, Phạm Văn T, Bùi Văn D cho UBND xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điều 17, 58, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của BLHS. Xử phạt Nguyễn Văn T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian tính từ ngày UBND xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án.

2.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điều 17, 58, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 của BLHS. Xử phạt Trần Văn D 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 3 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian tính từ ngày UBND xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án.

2.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điều 17, 58, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 của BLHS. Xử phạt Phạm Văn C (*Phạm Văn Đ*) 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 3 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian tính từ ngày UBND xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án.

2.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điều 17, 58, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 của BLHS. Xử phạt Phạm Đức V (*Phạm Văn V*) 15 (mười lăm)

tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 3 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian tính từ ngày UBND xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án.

Khấu trừ 7% thu nhập hàng tháng của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn C (*Phạm Văn Đ*), Phạm Đức V (*Phạm Văn V*) trong thời gian chấp hành án để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn C (*Phạm Văn Đ*), cho UBND xã Quang Trung và bị cáo Phạm Đức V (*Phạm Văn V*) cho UBND xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

2.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điều 17, 58, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của BLHS. Xử phạt Phạm Văn M 25 (hai mươi lăm) triệu đồng sung quỹ nhà nước. Bị cáo phải nộp phạt một lần.

2.9. Căn cứ khoản 1 Điều 321, các điều 17, 58, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của BLHS. Xử phạt Nguyễn Văn H 20 (hai mươi) triệu đồng sung quỹ nhà nước. Bị cáo phải nộp phạt một lần.

3. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 của BLHS. Phạt bổ sung các bị cáo: Tường, Dưỡng, Tuynh, Diễn, Chính, Vừa mỗi bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng sung quỹ nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Xử tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 8.870.000 (*tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn*) đồng. Tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài. (*Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Tứ Kỳ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ ngày 09/8/2019*).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án. Xử: Các bị cáo Phạm Văn T, Bùi Văn D, Nguyễn Văn T, Trần Văn D, Phạm Văn C, Phạm Văn M, Phạm Văn V (*Phạm Đức V*), Nguyễn Mạnh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Phạm Văn K.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan Thi hành án HS - Công an huyện Tứ Kỳ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

- THADS huyện Tứ Kỳ;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ - Công an huyện Tứ Kỳ;
- Sở tư pháp Hải Dương,
- Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo.
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Văn Tú